TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 13-6-2025.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Minh Tường;

2. Ông Nguyễn Phú Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Mai Thị Xuân N, sinh năm 2003; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

Bị đơn: anh Lê Duy T, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: tổ F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; hiện cư trú tại: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Xuân N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lê Duy T chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn ngày 17-6-2022 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 12-2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không đi làm phụ giúp kinh tế để cùng chị chăm lo cho gia đình, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi và từ tháng 12-2023 cho đến nay anh T đã về quê tại tỉnh T sống ly thân với chị. Nay chị nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Lê Mai Thiên P, sinh ngày 28-4-2022, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 02 năm 2025, bị đơn anh Lê Duy T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Mai Thị Xuân N chung sống với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gổ cãi vả với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 10-2023 anh đã về quê tại tỉnh T sống ly thân với chị N cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị N về họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung là đúng. Anh đồng ý giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị N và anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Xuân N đối với anh Lê Duy T. Chị N được ly hôn với anh T.

+ Về nuôi con chung: giao cháu Mai Lê Thiên P1, sinh ngày 28-4-2022 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: chị N và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh T.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: chị N và anh T đều có văn bản yêu cầu lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn chị N - là Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị Mai Thị Xuân N và anh Lê Duy T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2022 ngày 17-6-2022. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng, chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên gây gổ cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau từ tháng 12-2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý ly hôn với chị N. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N và anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: chị N và anh T có 01 con chung tên Lê Mai Thiên P, sinh ngày 28-4-2022, hiện đang sống với chị N. Quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu P, anh T đồng ý giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị N, anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí: chị Mai Thị Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Xuân N đối với anh Lê Duy T. Chị Mai Thị Xuân N được ly hôn với anh Lê Duy T.

2. Về nuôi con chung: giao chị Mai Thị Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Mai Thiên P, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2022. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Lê Duy T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị N được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Mai Thị Xuân N và anh Lê Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai Thị Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004614 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: chị Mai Thị Xuân N và anh Lê Duy T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường (thị trấn) nơi đương sự cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Hương Xuân, H. H, tỉnh H (Giấy CNKH số 09 ngày 12-3-2021);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy